

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định khu vực, địa điểm đổ thải và quản lý hoạt động nạo vét
trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 29 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày
17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 7 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước
đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
giao thông đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây
dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng
nước đường thủy nội địa;*

Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2041/TTr-SGTVT ngày 16/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khu vực, địa điểm đổ thải và quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2022.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Khu vực, địa điểm đổ thải và quản lý hoạt động nạo vét
trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44/2022/QĐ-UBND
Ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về khu vực, địa điểm đổ thải đối với chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

Những nội dung không được đề cập tại Quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Trường hợp các văn bản được viện dẫn có sự sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ nhưng không làm thay đổi nội dung của Quy định này, thì thực hiện theo văn bản mới.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quy hoạch, xây dựng, lựa chọn khu vực, địa điểm đổ thải đối với chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng thống nhất trong quá trình quản lý hoạt động nạo vét, lựa chọn khu vực, địa điểm để đổ thải chất nạo vét khi thực hiện các dự án nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh; nhằm mục đích hạn chế những tác hại gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NẠO VẾT TRONG VÙNG NƯỚC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NẠO VẾT TRONG VÙNG NƯỚC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa

1. Các hoạt động nạo vét phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường và các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa và các quy định khác có liên quan của pháp luật nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường nước, môi trường đất; bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa, bảo đảm an toàn cộng đồng dân cư, hệ thống công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông và không ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các công trình khác.

2. Không thực hiện các hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa mà các hoạt động đó có thể gây cản trở hoạt động tránh trú của tàu thuyền vào mùa lũ lụt, khi có thiên tai xảy ra.

3. Trước khi tiến hành hoạt động nạo vét, đơn vị thi công nạo vét thông báo kế hoạch triển khai thực hiện (thời gian, tiến độ thi công, quy mô công trình, chủng loại và số lượng phương tiện thi công, hình thức thực hiện) đến cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý đường thủy nội địa khu vực, chính quyền địa phương nơi có công trình và có bảng niêm yết tại công trường trong suốt quá trình thi công. Bảng niêm yết thể hiện các nội dung về cơ quan phê duyệt, chủ đầu tư, nhà đầu tư, tổ chức tư vấn giám sát, đơn vị thi công, quy mô công trình, tiến độ thi công, thời gian bắt đầu thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn thực hiện, hình thức thực hiện.

4. Các dự án nạo vét cơ bản trong vùng nước đường thủy nội địa phải được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, Luật Khoáng sản. Trường hợp các dự án nạo vét cơ bản trong vùng nước đường thủy nội địa có đề phải lấy ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan quản lý đê; đối với dự án nạo vét cơ bản

ở các tuyến đường thủy nội địa có đê từ cấp III đến cấp đặc biệt hoặc thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên, phải lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước khi phê duyệt dự án.

5. Chất nạo vét phải được quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về đất đai, pháp luật về tài nguyên, môi trường nước và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

6. Khuyến khích xã hội hoá nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa để thu hồi sản phẩm nạo vét.

Điều 4. Quy định về công tác môi trường

1. Các dự án nạo vét cơ bản trong vùng nước đường thủy nội địa phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Đối với các dự án, công trình nạo vét duy tu với khối lượng thực hiện hàng năm có tính quy luật, việc đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được thực hiện theo thời hạn từng năm hoặc theo chu kỳ đến 05 năm.

3. Các khu vực, địa điểm đổ thải, thu gom chất nạo vét, thu hồi đối với hoạt động nạo vét phải được lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trong quá trình lựa chọn vị trí; phải tổ chức thực hiện công tác quan trắc và giám sát môi trường đối với các khu vực, địa điểm đổ thải trong suốt quá trình thực hiện dự án.

4. Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nạo vét theo quy định tại Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ môi trường (đánh giá sơ bộ tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường, đăng ký môi trường, cấp giấy phép môi trường,...) thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 5. Yêu cầu đối với công tác thi công, đổ thải chất nạo vét

1. Chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa chịu trách nhiệm tổ chức giám sát công tác thi công nạo vét, đổ chất nạo vét trong suốt thời gian từ khi bắt đầu đến khi kết thúc hoạt động nạo vét. Các nội dung yêu cầu tuân thủ theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

2. Yêu cầu đối với hệ thống giám sát nạo vét tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

3. Phương tiện thi công nạo vét, vận chuyển chất đổ thải phải đảm bảo các quy định về phương tiện vận chuyển chất thải theo quy định của pháp luật có liên quan về giao thông đường thủy nội địa, đường bộ, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo

vết trong vùng nước đường thủy nội địa

1. Trước khi tiến hành hoạt động nạo vét, chủ đầu tư, nhà đầu tư phải tổ chức xây dựng phương án bảo đảm an toàn giao thông trình cơ quan có thẩm quyền xem xét chấp thuận theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn giám sát hoạt động nạo vét theo phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được phê duyệt đối với hoạt động nạo vét vùng nước đường thủy nội địa địa phương.

3. Khi thực hiện nạo vét trong tình huống thiên tai, thời tiết xấu, các phương tiện phải thực hiện tránh trú bão theo điều động của cấp có thẩm quyền.

4. Đối với hoạt động nạo vét không gây ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy nội địa thì không phải lập phương án bảo đảm an toàn giao thông.

Điều 7. Thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét

1. Việc thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP; các quy định về công tác thi công, đổ chất nạo vét thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP; phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan giám sát, tổ chức thực hiện đối với hoạt động thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét để bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy nội địa và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Mục 2**HOẠT ĐỘNG NẠO VÉT DUY TU LƯỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****Điều 8. Nguyên tắc quản lý nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa từ nguồn ngân sách nhà nước**

1. Công tác nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý được nhà nước bảo đảm, bố trí từ nguồn vốn ngân sách hàng năm để thực hiện.

2. Không thực hiện việc bảo hành và mua bảo hiểm thi công công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa.

Điều 9. Nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định

1. Nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa từ nguồn vốn ngân sách nhà

nước theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định được thực hiện trên luồng đường thủy nội địa tại khu vực bãi cạn, đoạn cạn hoặc cửa thuộc các tuyến vận tải thủy chính, có hướng tuyến luồng ổn định tối thiểu 03 năm gần nhất và thường xuyên bị bồi lấp.

2. Hình thức thực hiện bảo trì luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

a) Bảo trì theo khối lượng thực tế: Nạo vét duy tu hàng năm; nạo vét duy tu đột xuất để đảm bảo an toàn giao thông theo hình thức chỉ định thầu rút gọn đối với các nhiệm vụ đột xuất do nguyên nhân bất khả kháng mà nếu không thực hiện thì có nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy nội địa hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động đường thủy nội địa;

b) Bảo trì theo chất lượng thực hiện: Nạo vét duy tu khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định.

3. Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa hàng năm, Sở Giao thông vận tải đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các luồng đường thủy nội địa địa phương thực hiện nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định (tối thiểu 03 năm).

4. Việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình, dự toán kinh phí bảo vệ môi trường, đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đo đạc bản giao mặt bằng, đề cương giám sát, đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát nghiệm thu công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP; Điều 4, Điều 5 Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT.

5. Việc xác định khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 13 và Điều 14 của Quy định này.

6. Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu; bàn giao mặt bằng thi công; tổ chức quản lý thi công công trình; kiểm tra giám sát thi công và thanh quyết toán công trình nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định; thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT.

Điều 10. Nạo vét duy tu đột xuất luồng đường thủy nội địa

1. Trình, phê duyệt nhiệm vụ đột xuất

a) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý, bảo trì đường thủy nội địa khảo sát sơ bộ và báo cáo cơ quan quản lý đường thủy nội địa nhiệm vụ đột xuất nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương thực hiện nhiệm vụ đột xuất nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa trên cơ sở đề xuất của cơ quan quản lý đường thủy nội địa hoặc quyết định chủ trương cho phép thực hiện nhiệm vụ đột xuất nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa.

2. Trình tự thực hiện: Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công; lập thẩm định, phê duyệt đề cương tư vấn; thiết kế dự toán; bàn giao mặt bằng thi công; tổ chức quản lý thi công công trình; kiểm tra giám sát thi công và thanh quyết toán công trình Nạo vét duy tu đột xuất luồng đường thủy nội địa thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Thông tư số 33/2019/TT- BGTVT.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG NẠO VÉT TRONG VÙNG NƯỚC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CÓ KẾT HỢP THU HỒI SẢN PHẨM

Điều 11. Trình tự thực hiện dự án

Công tác nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm phải được lập thành dự án và thực hiện theo các bước sau:

1. Lập và công bố danh mục khu vực nạo vét theo quy định tại Mục 2 Chương IV Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.
2. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định tại Mục 3 Chương IV Nghị định số 159/2018/NĐ-CP. Việc lựa chọn khu vực, vị trí đổ thải theo quy định tại Điều 13, Điều 14 của Quy định này.
3. Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ môi trường theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Quy định này.
4. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án theo quy định tại Mục 4 Chương IV Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.
5. Triển khai thực hiện dự án và bàn giao dự án theo quy định tại Mục 5 Chương V Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

Điều 12. Phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các dự án nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa có kết hợp thu hồi sản phẩm

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thống nhất đối với các dự án xã hội hóa nạo vét vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh và giao cho:
 - a) Sở Công thương quản lý, tổ chức thực hiện các dự án xã hội hoá nạo vét trong vùng nước đường thủy thuộc phạm vi lòng hồ thủy điện;
 - b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu quản lý đối với các dự án xã hội hóa nạo vét trong vùng nước đường thủy thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi theo Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;
 - c) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) quản lý, tổ chức thực hiện các dự án xã hội hóa nạo vét trong vùng nước đường thủy thuộc phạm vi lòng hồ thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp quản lý theo Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

d) Sở Giao thông vận tải quản lý, tổ chức thực hiện các dự án xã hội hoá nạo vét thuộc phạm vi các tuyến đường thủy nội địa, trừ các dự án đã quy định tại điểm a, điểm b, điểm c của Điều này.

2. Các sở chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

Chương III

QUY ĐỊNH KHU VỰC, ĐỊA ĐIỂM ĐỔ THẢI CHẤT NẠO VÉT KHI THỰC HIỆN NẠO VÉT TRONG VÙNG NƯỚC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 13. Quy định về khu vực, địa điểm đổ thải

1. Các khu vực, địa điểm thu gom chất nạo vét, thu hồi, đổ thải phải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí; đồng thời phải đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy định này.

2. Điều kiện để xác định khu vực, địa điểm đổ thải

a) Khu vực, địa điểm đổ thải phải được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí và chấp thuận bằng văn bản, có diện tích đáp ứng nhu cầu đổ thải chất nạo vét của từng dự án cụ thể.

b) Có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom chất thải từ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa và đáp ứng được các quy định pháp luật về khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư sinh sống tập trung theo quy định. Nếu thực hiện đổ thải lên trên khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải được sự đồng thuận của tổ chức, cá nhân trong khu vực và đúng quy định của pháp luật.

c) Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; không nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập sâu trong nước; không nằm ở vị trí đầu nguồn nước.

d) Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự, không xâm phạm chỉ giới giao thông, bảo đảm các quy định về hành lang bảo vệ công trình đường bộ, đường thủy nội địa, không làm ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe người dân.

3. Quy định khu vực, địa điểm đổ thải

a) Vị trí khu vực, địa điểm đổ thải có khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư tập trung, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa xã hội, di tích lịch sử, trung tâm công nghiệp, các nguồn nước, sông, hồ đúng quy định của pháp luật.

b) Có diện tích, sức chứa phù hợp để chứa, xử lý các chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa theo từng dự án cụ thể.

c) Để hạn chế tác động xấu của chất nạo vét đến môi trường xung quanh, kết cấu của khu vực đổ thải phải có bờ bao bằng đất tự nhiên hoặc bê tông cốt

thép (đảm bảo chiều cao, độ dày phù hợp với từng khu vực đổ thải), xung quanh có hệ thống lọc nước và thoát nước.

Điều 14. Điều tra, lựa chọn, chấp thuận khu vực, địa điểm đổ thải

1. Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư phải tổ chức điều tra, xác định khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên cơ sở quy định tại Điều 13 của Quy định này. Việc lập hồ sơ xác định vị trí đổ thải, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện từ giai đoạn lập dự án, thiết kế kỹ thuật.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư gửi hồ sơ, văn bản đề nghị chấp thuận khu vực, địa điểm đổ thải, Báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Sở Tài Nguyên và Môi trường để thực hiện công tác thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh và phê duyệt chấp thuận, công bố các khu vực, địa điểm đổ thải.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban ngành liên quan

1. Sở Giao thông vận tải

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa theo quy định. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan việc thực hiện thu gom, xử lý, vận chuyển chất nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa đến khu vực, địa điểm đổ thải.

b) Xây dựng kế hoạch nạo vét duy tu hàng năm gửi Sở Tài chính cân đối và tổng hợp nhu cầu vốn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Quy định này.

d) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn sử dụng chi phí do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả; sử dụng khoản tiền thưởng, phạt theo hợp đồng đối với các dự án nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm.

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra công tác thi công, thu gom, xử lý, vận chuyển chất nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa đến khu vực, địa điểm đổ thải.

e) Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật địa phương, định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến chuẩn tắc, công tác thiết kế thi công nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa.

g) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan định kỳ sáu tháng, hàng năm báo cáo tình hình nạo vét duy tu và kết quả

thực hiện dự án xã hội hoá hoạt động nạo vét có kết hợp thu hồi sản phẩm với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Sở tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với hoạt động nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh theo Quy định này.

b) Thực hiện công tác thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ môi trường đối với các dự án nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh và chấp thuận, công bố các khu vực, địa điểm đổ thải.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan giám sát quá trình tổ chức thực hiện đối với hoạt động thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét để bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy nội địa và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan thanh tra, kiểm tra công tác thi công, thu gom, xử lý, vận chuyển chất nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa đến khu vực, địa điểm đổ thải.

3. Sở Công thương

a) Căn cứ việc thực hiện điều tra, đánh giá hiệu quả quản lý, khai thác công trình của chủ sở hữu công trình, Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chủ trương thực hiện dự án nạo vét trong vùng nước lòng hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh để bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan thẩm định phương án kỹ thuật dự án nạo vét trong vùng nước lòng hồ thủy điện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Quy định này.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát, tổ chức thực hiện đối với hoạt động thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Định kỳ sáu tháng, hàng năm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án xã hội hoá hoạt động nạo vét được giao quản lý, tổ chức thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan trong

việc xác định phạm vi, quy mô, ranh giới các khu vực thuộc phạm vi bảo vệ an toàn các công trình thủy lợi, chỉnh trị dòng sông thuộc trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định tại Điều 14 và Điều 18 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan thẩm định phương án kỹ thuật dự án nạo vét trong vùng nước lòng hồ thủy lợi, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Quy định này.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát, tổ chức thực hiện đối với hoạt động thu hồi tài nguyên, khoáng sản thông qua hoạt động nạo vét bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Định kỳ sáu tháng, cuối năm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án xã hội hoá hoạt động nạo vét được giao quản lý, tổ chức thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

5. Sở Xây dựng

a) Chủ trì xây dựng phương án, tiêu chuẩn và các điều kiện cần thiết để có thể tận dụng sản phẩm nạo vét vào mục đích san lấp, xây dựng.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch, tổ chức xây dựng định mức dự toán cho các công tác đặc thù chuyên ngành của địa phương chưa có trong hệ thống định mức xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng về phương pháp, căn cứ xây dựng, sự phù hợp của kết quả tính toán các thành phần hao phí theo quy định.

c) Hướng dẫn thủ tục và thực hiện cấp đăng ký sản phẩm tận thu đối với các dự án nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp.

6. Sở Tài chính

a) Cân đối bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện công tác nạo vét duy tu các tuyến luồng đường thủy nội địa (kể cả cơ sở hạ tầng thông tin cho công tác giám sát quản lý nhà nước) theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải.

b) Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các luồng đường thủy nội địa địa phương thực hiện nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định (tối thiểu 03 năm) trong kế hoạch bảo trì công trình đường thủy nội địa hàng năm trên cơ sở đề xuất của Sở Giao thông vận tải.

c) Chủ trì, hướng dẫn sử dụng chi phí do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả; sử dụng khoản tiền thưởng, phạt theo hợp đồng đối với các dự án xã hội hoá nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm.

7. Công an tỉnh

a) Đảm bảo an ninh, trật tự trên các tuyến sông, hồ có hoạt động bến thủy nội địa.

b) Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn của các sở, ngành liên quan trong công tác phòng ngừa, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm trái phép; vận chuyển, tập kết và kinh doanh cát, sỏi không có nguồn gốc hợp pháp trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo lực lượng Công an các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị nghiệp vụ tăng cường tuần tra, kiểm tra, thực hiện công tác phòng ngừa, ngăn chặn xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác cát, sỏi theo quy định của pháp luật.

d) Chỉ đạo lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra phương tiện vận chuyển chất đồ thải trong quá trình nạo vét, vận chuyển theo quy định của pháp luật về an toàn giao thông đường thủy, đường bộ. Đồng thời, tăng cường lực lượng kiểm tra, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm về hoạt động nạo vét, hoạt động vận chuyển, đồ thải đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động nạo vét vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn theo phân cấp và thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 của Quy định này.

b) Phối hợp với chủ đầu tư dự án nạo vét đường thủy nội địa và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, chấp thuận vị trí để sử dụng làm khu vực, địa điểm đổ thải đối với chất nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa; quản lý các khu vực, địa điểm đổ thải trên địa bàn. Cấp giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường.

c) Triển khai thực hiện quy chế phối hợp trên địa bàn và các huyện, thị xã, thành phố thuộc các địa phương khác nằm trong khu vực giáp ranh địa giới hành chính.

d) Ngăn chặn các hoạt động lợi dụng công tác nạo vét để thực hiện việc khai thác cát, sỏi trái phép ngay sau khi phát hiện hoặc nhận được tin báo xảy ra hoạt động lợi dụng công tác nạo vét để khai thác vật liệu, cát, sỏi trái phép trên địa bàn; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện trách nhiệm

quản lý nhà nước về khoáng sản, hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, các quy định của Chính phủ và các nhiệm vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường đến thôn, bản, xóm; vận động nhân dân địa phương không khai thác, tập kết, kinh doanh, vận chuyển cát, sỏi trái phép. Thực hiện các biện pháp bảo vệ cát, sỏi chưa khai thác.

b) Phát hiện và tố giác tổ chức, cá nhân lợi dụng công tác nạo vét để thực hiện việc khai thác khoáng sản, khai thác cát, sỏi trái phép; thực hiện quy chế phối hợp trên địa bàn và các xã thuộc các địa phương khác trong khu vực giáp ranh.

c) Ngăn chặn các hoạt động lợi dụng công tác nạo vét để khai thác cát, sỏi trái phép ngay sau khi phát hiện; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Định kỳ sáu tháng, cuối năm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án xã hội hoá hoạt động nạo vét do Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao quản lý, tổ chức thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu thực hiện nạo vét duy tu; Nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét có kết hợp thu hồi sản phẩm

1. Phối hợp với các sở, ngành, chính quyền địa phương để thực hiện việc giám sát cộng đồng; tuyên truyền, thông báo kế hoạch triển khai trước khi thi công dự án theo quy định.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương kiểm tra, xác nhận hiện trạng các công trình liên quan và đường bờ khu vực thuộc phạm vi dự án.

3. Gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thực hiện dự án và niêm yết công khai trên công trường trước khi thi công và trong suốt thời gian thi công dự án.

4. Cam kết thực hiện dự án đã được phê duyệt tuân thủ các quy định hiện hành, không chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án cho đơn vị khác thực hiện. Chịu mọi chi phí sửa chữa và khắc phục thiệt hại nếu thi công không đúng hồ sơ thiết kế được duyệt gây thiệt hại đến các công trình trong và ngoài phạm vi dự án theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thi công, nghiệm thu, bàn giao các hạng mục và toàn bộ công trình theo hồ sơ dự án được duyệt phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Trường hợp trong quá trình thi công dự án nếu có hiện tượng sạt lở đường bờ sông, kênh hoặc tiềm ẩn nguy hại đến công trình xung quanh thì phải tạm dừng nạo vét, đồng thời phối hợp với tư vấn giám sát báo cáo ngay chính

quyền địa phương nơi gần nhất và cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động, ảnh hưởng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để có biện pháp giải quyết.

7. Báo cáo về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng và yêu cầu đột xuất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 24 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo, phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.